

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 11/3/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te.
2. Ông Trương Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị E, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 350 khu phố 5, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 252 L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Bà E có cho ông N vay tổng số tiền 115.000.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 18/10/2016 bà E có cho ông N vay 50.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền đề ngày 18/10/2016.

- Lần 2: Bà E có cho ông N vay 65.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 lần vay là 115.000.000 đồng. Vào ngày 04/9/2017 ông N có viết giấy cầm đất để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền trên. Vào ngày 19/01/2019 ông N có viết giấy cam kết nợ và ký tên với nội dung ông N có nợ của chị E tổng cộng 115.000.000 đồng. Từ lúc vay đến nay ông N không trả tiền vay nên bà E khởi kiện yêu cầu ông N trả 115.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2016 ông có vay của bà E tổng cộng 115.000.000 đồng làm 2 lần, lãi suất 8%/tháng. Các giấy mượn tiền, cam kết nợ, giấy cầm đất do bà E cung cấp đều do ông viết và ký tên. Từ lúc vay đến năm 2019, ông có trả lãi đầy đủ cho bà E. Tuy nhiên, việc trả lãi hàng tháng cho bà E thì giữa ông và bà E không làm biên nhận và ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Nhưng từ năm 2019 đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông không trả lãi cũng như trả gốc cho bà E. Theo yêu cầu của bà E thì ông đồng ý trả cho bà E 115.000.000 đồng nhưng do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng sẽ trả 1.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng ông không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị E. Buộc ông Nguyễn Thanh N trả cho bà Hà Thị E số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Giữa bà Hà Thị E và ông Nguyễn Thanh N có thống nhất với nhau về việc ông N có vay của bà E tổng cộng số tiền là 115.000.000 đồng. Ông N thừa nhận “Giấy mượn tiền” đề ngày 18/10/2016, “giấy cam kết nợ” đề ngày 19/01/2019 và “giấy cầm đất” đề ngày 04/9/2017 đúng là chữ ký của ông. Thực tế ông có vay của bà Hà Thị E tổng số tiền 115.000.000 đồng, mục đích là cho người khác vay lại để kiếm lời nhằm phát triển kinh tế gia đình. Lúc vay ông có thỏa thuận với bà E là ông sẽ giao cho bà E quản lý, sử dụng phần đất của ông để canh tác, khi nào trả tiền bà E sẽ giao đất lại cho ông. Tuy nhiên, từ lúc thỏa thuận đến nay thì bà E vẫn không sử dụng phần đất này.

[3] Căn cứ vào “giấy cam kết nợ” đề ngày 19/01/2019, “giấy mượn tiền” đề ngày 18/10/2016 và “giấy cầm đất” đề ngày 04/9/2017” do bà E cung cấp và ông N đã thừa nhận chữ ký “Nguyễn Thanh N” ở phía dưới mục “Người viết” là của ông. Xét thấy đây là căn cứ để bà E khởi kiện và cũng là chứng cứ để chứng minh ông N có vay của bà E 115.000.000 đồng vào năm 2019 và hiện vẫn còn nợ số tiền trên. Đồng thời, tại Kết luận giám định số 434/2021/GĐTL ngày 27/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre kết luận: “Chữ ký mang tên Nguyễn Thanh N trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Thanh N trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra. Căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân

sự, việc vay tiền giữa bà E và ông N là hợp đồng vay tài sản. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, bà E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, cần buộc ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền vay còn nợ là 115.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Mặc dù ông N trình bày lãi suất vay là 8%/tháng nhưng căn cứ vào các giấy “giấy cam kết nợ” đề ngày 19/01/2019, “giấy mượn tiền” đề ngày 18/10/2016 và “giấy cầm đất” đề ngày 04/9/2017 đều không thể hiện việc cho vay có lãi và bà E cũng không thừa nhận sự việc này. Do đó, xác định việc cho vay không có lãi và có thời hạn. Đồng thời, bà E không yêu cầu tính lãi và ông N cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi ông cho rằng đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông N phải chịu là 2.100.000 đồng. Do bà E đã nộp tạm ứng nên ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà E số tiền này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông N phải chịu là $115.000.000đ \times 5\% = 5.750.000đ$.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị E về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị E số tiền vay là 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông N phải chịu là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng. Do bà E đã nộp tạm ứng nên ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà E số tiền này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị E không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007860 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Ông Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ chịu là 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gấm

